TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 03-7-2018
"V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Phan Lê Vũ Huy Hoàng**

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông **Đỗ Ngọc Cận**

2. Ông **Huỳnh Phước**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Bảo Quốc** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng: Bà **Đồ Ngọc Tuyền**

Ngày 03 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, giữa các đương sự:

- <u>*Nguyên đơn*</u>: Bà **Trần Thị Tú C** (có tên gọi khác là **Ch**), sinh năm 1969; Địa chỉ: đường THĐ, khóm TT, Phường 10, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; (có mặt)

- <u>*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn*</u>: Ông **Trần Vĩnh K**, sinh năm 1979 – Luật sư của Văn phòng luật sư Hoàng K thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng; Địa chỉ: đường NVL, Khóm 3, Phường 2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; (có mặt)

- <u>*Bị đơn*</u>: Ông **Nguyễn Quốc B**, sinh năm 1968; Địa chỉ: đường THĐ, khóm Tâm Trung, Phường 10, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Tạm trú: đường PL, Phường 2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16-3-2018, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Tú C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà C bà ông B có đăng ký kết hôn và được Ủy ban

nhân dân Phường 10 cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 18, quyển số 01, ngày 20-5-1997. Ông bà bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vả nhau, không ai quan tâm đến ai. Đã mâu thuẫn vợ chồng từ năm 2012 cho đến nay. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Quan hệ hôn nhân đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể kéo dài thêm được nữa. Nay bà C xin ly hôn với ông B.

- Về con chung: Ông bà có 02 người con chung tên Nguyễn Hồng N (nữ, sinh ngày 26-12-1998) và Nguyễn Phú H (nam, sinh ngày 08-4-2005). Cháu N đã thành niên không yêu cầu giải quyết. Yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H đến lúc trưởng thành, không yêu cầu ông B phải cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Quốc B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân và con chung đúng như bà C trình bày. Tình cảm vợ chồng ngày một giảm dần, các con thì có tình cảm với mẹ hơn. Ông B không đồng ý ly hôn, mà yêu cầu bà C sửa đổi lại việc nuôi dạy con là được, ông không đề cập đến vấn đề về con chung, tài sản chung và nợ chung. Ông chỉ muốn cùng với bà C tiếp tục nuôi dạy con cái đến tuổi trưởng thành. Ngoài ra, ông không trình bày gì thêm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là ông Trần Vĩnh K trình bày:

Thông nhất theo lời trình bày của nguyên đơn, về quan hệ hôn nhân thì bà C và ông B sống chung, nhưng mâu thuẫn thường xuyên giữa vợ chồng, mâu thuẫn về cách nuôi dạy con; về tình cảm vợ chồng thì bà C yêu cầu ly hôn, còn ông B thì cho rằng tình cảm vợ chồng ngày một giảm dần. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì thời gian mâu thuẫn kéo dài, trầm trọng, hôn nhân phải xuất phát từ hai phía. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình thấy đủ điều kiện giải quyết ly hôn theo yêu cầu của một bên. Về nuôi con thì cháu H có nguyện vọng được mẹ chăm sóc nuôi dưỡng, ông B thừa nhận cháu H có tình cảm với mẹ hơn, nên yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà C, bà C không yêu cầu ông B cấp dưỡng là tự nguyện, không yêu cầu xem xét đối với tài sản và nợ.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng như xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, đồng thời đã tiến hành thông báo cho những người tham gia tố tụng, Viện kiểm sát biết nội dung đơn khởi kiện, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định như yêu cầu đương sự cung cấp chứng cứ, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đảm bảo đúng quy định; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm, bảo đảm nguyên tắc bình đẳng về quyền và nghĩa vụ trong tố tụng dân sự và xét xử công khai, đúng thời gian, địa điểm; Đối với nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật. Đối với bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1/ *Về quan hệ hôn nhân*: Bà C và ông B tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 10, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng ngày 20/5/1997 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 18, quyển số 01. Việc kết hôn của bà C và ông B không vi phạm một trong các Điều 5, 6, 7 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986 nên quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông B là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Thời gian đầu vợ chồng ông bà chung sống với nhau hạnh phúc và có 02 người con chung tên Nguyễn Hồng N (nữ, sinh ngày 26-12-1998) và Nguyễn Phú H (nam, sinh ngày 08-4-2005). Nhưng đến khoảng năm 2012 thì ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn cho đến nay, ông bà bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau, không ai quan tâm đến ai. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nhưng ông B không đồng ý ly hôn. Thấy, từ những mâu thuẫn trên thể hiện tình trạng hôn nhân của ông bà đã đến mức trầm trọng trong thời gian dài, đời sống chung không thể kéo dài và ông bà cũng không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình làm cho hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Bà C yêu cầu ly hôn ông B, còn ông B cho rằng tình cảm vợ chồng ngày một giảm dần. Căn cứ Khoản 1 Điều 51 và Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, nên chấp nhận yêu cầu của bà C.

3/ *Về con chung*: Sau khi ly hôn, bà C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phú H (nam, sinh ngày 08-4-2005) đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi sống mình. Bà C không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Nguyện vọng của cháu H được mẹ là người trực tiếp nuôi dưỡng. Ông B thì cho rằng các con có tình cảm với mẹ hơn. Thấy, yêu cầu của bà C về việc được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với nguyện vọng của cháu H. Căn cứ các Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu của chị C.

4/ *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà C và ông B không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5/ *Về án phí*: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà C phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 4 Điều 147; Điều 271; Khoản 1 Điều 273; Điều 278 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Trần Thị Tú C ly hôn ông Nguyễn Quốc B;

2. *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Phú H (nam, sinh ngày 08-4-2005) cho bà Trần Thị Tú C trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi sống mình. Ông Nguyễn Quốc B không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Phú H;

Ông Nguyễn Quốc B có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Phú H không ai được quyền cản trở;

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Bà Trần Thị Tú C phải nộp là 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000294 ngày 16-3-2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Bà Trần Thị Tú C đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm;

5. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TPST;
- Chi cục THADS TPST;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Phan Lê Vũ Huy Hoàng